

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2018/DS-ST
Ngày: 27/9/2018
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Lê Thị Thanh Thuần

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 53/2018/TLST-DS ngày 22/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXX-ST ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: đường P, TP R, tỉnh Kiên Giang do ông Võ Văn C chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện. Ủy quyền Ngân hàng TMCP K chi nhánh Phú Yên theo văn bản ủy quyền số 710/QĐ-NHKL ngày 29/3/2016. Địa chỉ: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên do ông Nguyễn Nhật T chức vụ giám đốc chi nhánh làm đại diện. Người đại diện theo văn bản ủy quyền lại số 189/QĐ-CNPY ngày 10/04/2018 có: ông Phan Văn T – Phó phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP K chi nhánh Phú Yên. Có mặt

Bị đơn: Bà Phan Thị Thạch T, sinh năm: 1977 và Bà Lê Phan Bảo N, sinh năm: 1999.

Cùng địa chỉ: 15/02 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. (Bà T, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình thu thập tài liệu chứng cứ đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/01/2017, giữa Ngân hàng TMCP K và bà Phan Thị Thạch T, Lê Phan Bảo N có ký vay của Ngân hàng K chi nhánh Phú Yên số tiền 25.000.000đ. Cụ thể như sau:

1.Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: PT01160/HĐTD-CC. Tổng số tiền vay 15.000.000đ, giải ngân ngày 11/01/2017, thời gian trả nợ từ ngày 12/01/2017 đến ngày 11/4/2017, mục đích vay tiêu dùng, thời gian vay 90 ngày, mức trả lãi hàng ngày (cả gốc và lãi) 172.875đ, riêng ngày cuối cùng 174.375đ, lãi suất cho vay 1.245%/tháng (tính lãi gộp), lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng.

2.Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số PT01161/HĐTD-CC. Tổng số tiền vay 10.000.000đ, giải ngân ngày 11/01/2017, thời gian trả nợ từ ngày 12/01/2017 đến ngày 11/04/2017, mục đích vay tiêu dùng, thời gian vay 90 ngày, mức trả lãi hàng ngày (cả gốc và lãi) 115.250đ, riêng ngày cuối cùng 116.250đ, lãi suất cho vay 1.245%/tháng (tính lãi gộp), lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng.

Đề bảo đảm hợp đồng vay số PT10060/HĐTD-CC: bà T cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, số khung 2708BY063601, số máy JF27E0782736, biển số 78C1-nnnnn. Trên cơ sở biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản, ngân hàng đã cho bà Phan Thị Thạch T và Lê Phan Bảo N giữ tài sản bảo đảm ngày 11/01/2017.

Trong quá trình vay vốn bà T và bà N chỉ trả gốc và lãi được 36 kỳ thanh toán, cụ thể từ ngày 12/01/2017 đến hết ngày 16/02/2017, kể từ ngày thanh toán thứ 37 (ngày 17/02/2017) đến kỳ thanh toán thứ 90 (ngày 11/4/2017), bà T và bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử ngày 27/9/2018, dư nợ của hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: PT01160/HĐTD-CC là 12.600.234đ. Trong đó nợ gốc 8.664.450đ, nợ lãi trong hạn 336.150đ, nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 27/9/2018 là 3.145.989đ.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố PT01161/HĐTD-CC là 8.097.726đ. Trong đó nợ gốc 5.776.300đ, nợ lãi trong hạn 224.100đ, nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 27/9/2018 là 2.097.326đ.

Vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải thanh toán dứt điểm dư nợ của hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả theo yêu cầu thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 288, 295, 296, 299, 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Luật tổ chức tín dụng 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: PT01160/HĐTD-CC. Tổng số tiền vay 15.000.000đ, giải ngân ngày 11/01/2017, thời gian trả nợ từ ngày 12/01/2017 đến ngày 11/4/2017, mục đích vay tiêu dùng, thời gian vay 90 ngày, mức trả lãi hàng ngày (cả gốc và lãi) 172.875đ, riêng ngày cuối cùng 174.375đ, lãi suất cho vay 1.245%/tháng (tính lãi gộp), lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số PT01161/HĐTD-CC. Tổng số tiền vay 10.000.000đ, giải ngân ngày 11/01/2017, thời gian trả nợ từ ngày 12/01/2017 đến ngày 11/04/2017, mục đích vay tiêu dùng, thời gian vay 90 ngày, mức trả lãi hàng ngày (cả gốc và lãi) 115.250đ, riêng ngày cuối cùng 116.250đ, lãi suất cho vay 1.245%/tháng (tính lãi gộp), lãi suất nợ quá hạn 1.8675%/tháng.

Để bảo đảm hợp đồng vay số PT10060/HĐTD-CC: bà T cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu là: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, số khung 2708BY063601, số máy JF27E0782736, biển số 78C1-nnnnn.

Tuy nhiên, bà Phan Thị Thạch T chỉ trả gốc và lãi được 36 kỳ thanh toán, cụ thể từ ngày 12/01/2017 đến hết ngày 16/02/2017, kể từ ngày thanh toán thứ 37 (ngày 17/02/2017) đến kỳ thanh toán thứ 90 (ngày 11/4/2017), bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Theo Điều 4 hợp đồng số PT01160/HĐTD-CC và số PT01161/HĐTD-CC ngày 11/01/2017 thỏa thuận có nội dung "...người liên đới trách nhiệm chịu trách nhiệm trả nợ thay nếu người vay không hoàn thành trả nợ vay đúng hợp đồng này". Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, buộc bà Phan Thị Thạch T, bà Lê Phan Bảo N liên đới trả cho Ngân hàng như sau: Tính đến ngày xét xử ngày 27/9/2018, dư nợ của hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố

số: PT01160/HĐTD-CC là 12.600.234đ. Trong đó nợ gốc 8.664.450đ, nợ lãi trong hạn 336150đ, nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 27/9/2018 là 3.145.989đ

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố PT01161/HĐTD-CC là 8.097.726đ. Trong đó nợ gốc 5.776.300đ, nợ lãi trong hạn 224.100đ, nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 27/9/2018 là 2.097.326đ.

Kể từ ngày 28/9/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Phan Thị Thạch T và bà Lê Phan Bảo N còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468, 470, 309, 310, 314 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn bà Phan Thị Thạch T, Lê Phan Bảo N phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP K. Cụ thể:

Số tiền phải trả theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: PT01160/HĐTD-CC là 12.600.234đ (mười hai triệu sáu trăm ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc 8.664.450đ, nợ lãi trong hạn 336.150đ, nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 27/9/2018 là 3.145.989đ.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố PT01161/HĐTD-CC là 8.097.726đ. Trong đó nợ gốc 5.776.300đ, nợ lãi trong hạn 224.100đ, nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 27/9/2018 là 2.097.326đ.

Kể từ ngày 28/9/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Phan Thị Thạch T, Lê Phan Bảo N còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phan Thị Thạch T và Lê Phan Bảo N chưa thi hành số tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, số khung 2708BY063601, số máy JF27E0782736, biển số 78C1-02285 của bà Phan Thị Thạch T là chủ sở hữu để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Phan Thị Thạch T, Lê Phan Bảo N phải chịu 1.063.000đ (một triệu không trăm sáu mươi ba ngàn đồng) án phí DS-ST.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K số tiền 441.000đ (bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0009931 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung